2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Bảng số 03: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt [(1)]

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn[(2)]
1			*tối thiểu__năm hoặc* *tối thiểu___hợp đồng*	
2			*tối thiểu__năm hoặc* *tối thiểu___hợp đồng*	
3				
…				

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp dịch vụ liên quan có yêu cầu phải có chứng chỉ chuyên môn.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt.

Nội dung đánh giá *(Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)*		**Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt**
A. YÊU CẦU CHUNG		
• Hàng hóa mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau • Nguồn điện sử dụng phù hợp với điện áp Việt Nam.	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
B. YÊU CẦU KỸ THUẬT		
I. Thiết bị hội trường		

1. Bàn gỗ phòng hội trường		
Kích thước tối thiểu: Dài:120cm x Rộng:50cm x Cao:75cm Chất liệu tối thiểu: Gỗ MFC phủ sơn PU cấp màu theo chỉ định, yếm bàn có hoa văn trang trí	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
2. Bục phát biểu		
Kích thước tối thiểu: Dài: 80cm x Rộng:60cm x Cao:120cm Chất liệu tối thiểu: Gỗ MFC phủ sơn PU màu theo chỉ định Bục phát biểu đục hoa văn trang trí, có gắn quốc huy. Sơn PU màu sắc theo chỉ định	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
3. Bục tượng bác và tượng bác trang trí hoa sen.		
Kích thước tối thiểu: Dài: 80cm x Rộng:60cm x Cao:120cm Chất liệu tối thiểu: Gỗ tự nhiên Sồi sơn PU màu theo chỉ định Bục tượng bác đục trạm hoa văn trang trí hình đài sen. Tượng Bác Hồ bằng thạch cao, kích thước cao 80cm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
4. Ghế hội trường		
Kích thước tối thiểu: D450 x R450 x C920 mm Hệ sắt sơn tĩnh điện , đệm mút ≥5 cm bọc nỉ	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
5. Màn hình led hội trường		
*** Màn hình Led** - Kích thước hiển thị: 3,072x5,376m (Kích thước màn hình 16,6m2 đã bao gồm bo viền) *** Module LED indoor:** - Khoảng cách điểm ảnh khoảng 3mm - Cấu trúc điểm ảnh 1R1G1B (3 in 1) hoặc tương đương - Kích thước module khoảng 192 x 192 x 14mm - Điện áp đầu vào DC 4.5V - Chip LED SMD 2020 hoặc tương đương - Mật độ điểm ảnh ≥111.111 Dost/m2 - Công suất Tiêu thụ/module ≤20w - Nhiệt độ làm việc từ ≤0°C đến ≥50°C - Tốc độ làm tươi ≥ 3840Hz - Tuổi thọ ≥100.000 h *** Bộ xử lý hình ảnh:**	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt

- Toàn bộ máy có ≥ 4 cổng mạng, độ phân giải tối đa ≥ 2,6 triệu pixel, chiều rộng có thể đạt ≥ 4096 pixel và chiều cao có thể đạt ≥ 2048 pixel. - Hỗ trợ nhiều giao diện tín hiệu kỹ thuật số, tối thiểu bao gồm: HDMI1.3*2, DVI-D*1, CVBS*2, VGA*1, Audio*2 và 1 USB*1 - Có giao diện USB-CFG để kết nối với máy tính chủ PC để điều khiển - Có giao diện RJ-45 để kết nối thiết bị điều khiển trung tâm - Nhiệt độ hoạt động: ≤0 - ≥45 ° C - Công suất tiêu thụ: ≤ 25W ***Bộ quản lý, giám sát, điều khiển và phát nội dung hiện thị màn hình Led** Tối thiểu gồm: Quản lý, giám sát, điều khiển và phát nội dung màn hình LED thông qua ứng dụng quản lý tập trung trên điện thoại, máy tính. Chỉ cần kết nối thiết bị với internet là có thể sử dụng Ứng dụng quản lý có thể sử dụng thông qua internet, mà không cần cấu hình IP tĩnh, DNS. Kết nối bộ nhớ ngoài để phát trực tiếp các định dạng file phổ biến mà không cần dùng tới máy tính: file video các định dạng, file ảnh, office, pdf,…Cho phép sửa trực tiếp các file văn bản ngay trên thiết bị. Cho phép lưu file trực tiếp vào thiết bị để sử dụng thường xuyên - Tùy chọn giám thông số nguồn điện cho hệ thống màn hình LED tối thiểu gồm: + Đo và giám sát các thông số điện 1 pha bao gồm công suất, dòng điện (0 - 100A), điện áp. + Đo và giám sát các thông số điện 3 pha (tùy chọn) bao gồm: công suất tổng/ từng pha, dòng điện tổng (0-100A)/ từng pha, điện áp pha, cos phi, tần số - Điều khiển đóng ngắt nguồn màn hình LED và thiết bị ngoại vi: + Điều khiển đóng ngắt 2 kênh, dòng tối đa ≥30A/ kênh (sử dụng trực tiếp hoặc đóng ngắt khởi động từ (dòng tối đa theo thông số khởi động từ) + Thiết bị thông minh, đồng bộ, tích hợp đồng thời nhiều tính năng Quản lý, Giám sát, Điều khiển, Phát nội dung trên 1 thiết bị. Các chức năng có thể sử dụng trên 1 phần mềm điều khiển duy nhất giúp người sử dụng dễ dàng sử dụng và khai thác được tất cả các tính năng của hệ thống và thiết bị - Tùy chọn số kênh điều khiển lên tới ≥30 kênh. + Giám sát, điều khiển, quản lý và phát nội dung không giới hạn số lượng thiết bị của một đơn vị trên 1 phần mềm duy nhất. Có ứng		

dụng trên điện thoại di động (cả 2 nền tảng iOS và Android) thực hiện được đầy đủ các tính năng ở trên. - Máy chủ phần mềm đặt tại việt Nam. phần mềm đã được đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ + Giám sát các thông số hoạt động của màn hình: nhiệt độ, độ ẩm, điện áp, dòng điện, công suất và các thông số khác của phòng họp: chất lượng không khí, + Trạng thái thiết bị, trạng thái điều khiển ON/OFF, trạng thái phát nội dung,… + Cảnh báo trên phần mềm trên điện thoại hoặc màn hình thiết bị khi có sự cố bất thiết bị khi có sự cố bất thường. Tích hợp bảo vệ quá áp, quá tải, quá nhiệt, mất pha, mất trung tính,… - Khối chuyển nguồn đáp ứng tiêu chuẩn EC/EN61000-4, CISPR32/EN55032, UL/IEC/EN62368, IEC/EN60335, GB4943, IEC/EN61558 phù hợp sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp, viễn thông, điều khiển thông minh. - Cổng kết nối khác tối thiểu gồm: USB type C 3.0 (kết nối bộ nhớ lưu trữ tốc độ cao), USB 2.0, RJ45, cổng giám sát - điều khiển (2 dây tín hiệu, 2 dây cấp nguồn cho các module cảm biến điều khiển) - Kết nối mạng internet tối thiểu gồm: + 10M/100M/1000M Ethernet; + Wifi 5 IEEE 802.11 a/b/g/n/ac; + 4G LTE -TDD/LTE-FDD/HSPA +/ GSM/ GPRS/ EDGE (tốc độ tối đa 150Mbps downlink/50Mbps uplink). Hỗ trợ 1 sim thường + 1 esim. Phụ kiện tối thiểu gồm: - Card nhận - Bộ nguồn 5V - 60A, + Điện áp đầu ra khoảng 5VDC + Dòng điện đầu ra ≥ 60A Max + Công suất đầu ra ≥ 300W Max + Chống chập cháy, xung điện. - Hệ khung sắt sơn tĩnh điện - Dây điện cấp nguồn tổng:Dây điện cu/xlpe/pvc 2x 4mm *Cáp kết nối module:Cáp kết nối module LED đồng bộ theo hãng *Tủ điện bao gồm aptomat: Tủ điện kích thước ≥300 x400mm sơn tĩnh điện, lắp đặt aptomat + Rơ le nhiệt chống quá tải *Dây điện DC cho Module LED: Cu/pvc 1 x 2.5mm hoặc tương đương *Vật tư phụ keo silicol , vít, ốc nam châm ….		

*Ốp alu sau biển Cam kết đảm bảo cung cấp linh kiện thay thế chính hãng trong vòng 5 năm kể từ thời điểm hết hạn bảo hành		
6. Micro không dây cầm tay		
Thông số kỹ thuật bộ thu Chế độ dao động: PLL (Bộ tổng hợp tần số kỹ thuật số) hoặc tương đương Ngăn chặn tạp âm: ≥80dB Ngăn chặn ảnh phản chiếu: ≥80dB Độ nhạy: ≤5 dBцV Mức đầu ra âm thanh: Đầu ra cân đối: khoảng 250mV / 600Ω Đầu ra không cân đối: khoảng 400mV / 3KΩ Điện áp : DC 12-16V Dòng điện ≤500mA Chỉ tiêu máy phát: Công suất đầu ra RF: tối đa 30mW Truyền tần số ổn định: <30ppm Dải động: ≥100dB **Thông số kỹ thuật micro** Tần số đáp ứng：≤50Hz~ ≥15KHz Áp suất âm thanh đầu vào tối đa: 130dB SPL Đầu mic: theo hình búp tròn Điện nguồn: 1.5V AA x2 Phạm vi tần số: ≤640- ≥790MHz Cách điều chỉnh：FM băng rộng hoặc tương đương Phạm vi có thể điều chỉnh：≥50MHz Số kênh：≥200 khoảng cách tần số：≥250KHz Độ ổn định tần số：trong khoảng±0.005% Phạm vi dải：≥100dB Độ lệch lớn nhất：≤ ±45KHz Mức phản hồi âm thanh：≤80HZ - ≥15KHz(±3dB) Tỷ lệ tín hiệu trên nhiễu tổng thể：>50dB Rối loại tín hiệu：≤2% Độ ẩm：≤-10℃~ ≥+40℃	Đáp ứng Không đáp ứng	Đạt Không đạt
7. Micro để bục phát biểu		
Micro chủ tọa	Đáp ứng	Đạt

- Loại Micro : Micro điện dung hoặc tương đương - Cần Micro dài khoảng 60cm - Sử dụng nguồn tùy chọn, Phantom 48V or PIN - Cực thu Cardioid - Trở kháng khoảng 750 Ω, cân bằng - Độ nhạy Micro -41 dB ± ≤3dB (1 kHz 0 dB=1 V/Pa) - Đáp tuyến tần số ≤50 Hz - ≥16000 Hz - Thành phần Chân để Micro: tối thiểu từ Nhựa ABS, sơn màu đen - Đầu ra kết nối tương đương với cổng XLR-3-32	Không đáp ứng	Không đạt
8. Tủ rack thiết bị 12U có mixer		
- Kích thước tối thiểu: 530 (Rộng) x 900 (Cao) x 610 (Sâu) mm	Đáp ứng	Đạt
- Gỗ dán nhiều lớp dày ≥ 9mm mặt tối thiểu tráng nhựa - Góc tủ được làm tối thiểu bằng sắt dập mạ crom bóng - 4 Chân tủ có thể quay đa hướng có vòng bi bánh cao su, 2 bánh có thêm khóa bánh - Cạnh tủ tối thiểu được bọc nhôm dày - Có khóa lưỡi móc dễ dàng khóa phù hợp và lưỡi. - Hai mặt bên trang bị tay xách để có thể khiêng tủ lên xuống dễ dàng	Không đáp ứng	Không đạt
9. Cáp tín hiệu cho loa		
Dây cáp tín hiệu cho loa	Đáp ứng	Đạt
- Loại cáp: 2x1.5 Cable audio - Chiều dài cáp: ≥ 100 m - Phạm vi nhiệt độ: ≤ - 30° C - ≥ +70° C	Không đáp ứng	Không đạt
10. Bộ âm thanh cấp cho hội trường 174m2 (trọn bộ gồm âm ly + mix + loa)		
*** Bộ âm thanh cấp cho hội trường 174m^2 tối thiểu bao gồm:**	Đáp ứng	Đạt
- Loa toàn dải full đôi: 6 chiếc - Loa Siêu trầm: 2 chiếc - Loa toàn dải full đơn: 6 chiếc - Loa vệ tinh treo tường: 4 chiếc - Mixer âm thanh ≥12 line: 1 chiếc - Cục đẩy công suất ≥4 kênh ≥3200W: 1 chiếc - Cục đẩy công suất ≥ 4 kênh ≥2400W: 1 chiếc - Thiết bị xử lý: 1 chiếc - Bộ quản lý nguồn âm thanh: 1 chiếc - Dây jack phụ kiện kết nối: 1 bộ **10.1 Loa toàn dải full đôi** - Hệ thống loại: Loa toàn dải full đôi 2 bass 15 inch	Không đáp ứng	Không đạt

- Tần số: ≤38Hz- ≥18kHz - Đáp ứng tần số: ≤50Hz- ≥16kHz (± 3dB) - Sensitivity: ≤103dB SPL 1w / 1m - Trở kháng: khoảng 4-8 ohms - Công suất: ≥1000 W - Spin tối đa: ≥136 dB **10.2 Loa siêu trầm** Loại sub liền công suất Amply tích hợp: tối thiểu Class D Loa Bass: ≥50cm Phản xạ âm trầm loại ≥18 " Đáp ứng tần số ≤120 Hz - ≥25KHz Tối đa SPL (1m, không gian trống) ≥125 dB Trở kháng khoảng 4 Ohms Công suất định mức: ≥500W Các chỉ báo Chế độ nguồn, tín hiệu, giới hạn, DSP **10.3 Loa toàn dải full đơn** Loại loa: Loa tần số đầy đủ 1 bass 15 inch Mạch: tối thiểu Class D Tần số đáp ứng: ≤40Hz - ≥20kHz (± 3dB) Loa trầm khung nhôm ≥ 15", cuộn dây âm thanh ≥ 3", 70 oz Độ nhạy: ≤125db SPL 1w / 1m Trở kháng: khoảng 4 ohms Công suất: ≥ 450W Spin tối đa @ 1 m: ≥125dB SPL ° Chức năng tối thiểu gồm: Chế độ DSP / BT 5.0/TWS Vỏ gỗ dán ≥15mm sơn thường, cột đứng ≥35mm, ≥2 tay cầm bên hông **10.4 Loa vệ tinh treo tường** Loa Cột line array - Tần số đáp ứng ≤100Hz - ≥18kHz - Công suất ≥300W **10.5 Mixer âm thanh 12 line** + Tối thiểu Tích hợp Bluetooth, USB + ≥ 12 Cổng MIC Định mức công suất: khoảng 25W Đáp ứng tần số ≤20Hz ~ ≥20kHz Đặc điểm kỹ thuật: ≥ 555 * 355 * 110 Phương pháp đầu vào 11 Channel Micro Card Dragon Mother, 1/2 kênh Lotus Flower hoặc tương đương Tối thiểu gồm: Ổ cắm 6.35 hoặc tương đương; Đầu vào đơn được		

trang bị bộ khuếch đại micro, cung cấp nguồn ảo, tùy chọn cung cấp nguồn ảo 48V; USB phát lại, cắm và phát; **10.6 Cục đẩy công suất 4 kênh 3200W** Đáp ứng tần số: ≤20Hz - ≥20kHz Độ nhạy: ≤103dB Công suất kép: ≥4 x 600w / 8Ω - ≥ 4 x 900w / 4Ω Nhiễu xuyên âm: >90db Tiếng ồn: ≤ 101dBA Hệ số giảm xóc: > 450 Dòng điện khoảng: 220V - 15A Tăng điện áp: ≥ 37dB **10.7 Cục đẩy công suất 4 kênh 2400W** Đáp ứng tần số: ≤20Hz - ≥20kHz Độ nhạy: ≤103dB Công suất kép: ≥ 4 x 800w / 8Ω - ≥ 4 x 1200w / 4Ω Nhiễu xuyên âm: >90db Tiếng ồn: ≤ 101dBA Hệ số giảm xóc: > 450 Dòng điện khoảng: 220V - 15A Tăng điện áp: ≥ 37dB **10.8 Thiết bị xử lý** Tích hợp ≥ 4 cổng micro Thông số kỹ thuật: Mức đầu vào tối đa: 4V (RMS) Mức đầu ra tối đa: 4V (RMS) Độ tăng kênh âm nhạc: MAX: ≥ 12db Độ nhạy của micrô: ≤ 64mV Tỷ lệ tín hiệu / nhiễu: > 80db **10.9 Bộ quản lý nguồn âm thanh** Dòng điện đầu vào tối đa: ≥30A, Dòng ra tối đa đơn: ≥20A. Tổng công suất lên tới ≥ 2500W Điện áp đầu vào và đầu ra: Điện áp đầu vào AC = Điện áp đầu ra AC (Điện áp tùy chọn: Đầu vào AC110V-Đầu ra AC110V, Đầu vào AC 220V = đầu ra AC 220V)		
11. Chữ Đảng Cộng sản Việt Nam Quang Vinh muôn năm		
- Nền tối thiểu alumium ≥3mm + khung sắt, Bộ chữ "ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUANG VINH MUÔN NĂM " chữ alu màu gold Kích thước (450 x 8000) mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
12. Bộ ngôi sao búa liềm		
Tối thiểu từ tấm nhôm nhựa ≥3mm màu vàng gold uốn gập nổi chân 2 cm kích thước (500 x 500) mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt

13. Khẩu hiệu		
- Tối thiểu từ tấm nhôm nhựa 3mm màu vàng gold uốn gập nổi chân 2 cm kích thước khoảng (400 x 4000) mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
14. Sân khấu		
- Tối thiểu từ khung sắt hộp 40x40 dày ≥1.4 mm, kết hợp ốp tấm tối thiểu từ gỗ MDF khoảng 17mm, dán sàn nhựa giả gỗ	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
15. Rèm nan gỗ + ốp gỗ cách âm tường + nền		
Rèm nan tối thiểu từ gỗ	Đáp ứng	Đạt
- Sử dụng rèm sáo - Kích thước lá gỗ Bề rộng: ≥5 cm độ dày ≥2mm, Gỗ tự nhiên tối thiểu từ tần bì, sồi Bề mặt: tối thiểu Sơn UV hoặc sơn NC, chống trầy xước, giữ màu lâu bền. - Cơ cấu vận hành + Loại điều khiển tối thiểu: Kéo tay thủ công bằng dây dù, kéo nâng hạ toàn bộ rèm lên/xuống + Xoay lật lá rèm ≥180° để điều chỉnh ánh sáng Ốp vách gỗ tiêu âm: tối thiểu Gỗ mdf phủ melamin 2 mặt độ dày tấm ≥17 mm.	Không đáp ứng	Không đạt
16. Tủ pha nước uống		
Kích thước tối thiểu: D1200 x S400 x C1000 mm	Đáp ứng	Đạt
Chất liệu tối thiểu: Sử dụng gỗ MDF, phủ melamin theo màu phê duyệt	Không đáp ứng	Không đạt
II. Nhận diện thương hiệu, bảng biển		
17. Biển Led Modul P10, 3 màu		
*** Màn Led**	Đáp ứng	Đạt
- Kích thước hiển thị: 1024x960mm (Kích thước màn hình 10m2 đã bao gồm bo viền) *** Module Led** Khoảng cách điểm ảnh: khoảng 10 mm Mật độ điểm ảnh: ≥10.000 điểm/m² Cấu hình điểm ảnh: 1R1G1B hoặc tương đương Loại LED: SMD3535 hoặc tương đương Kích thước module: khoảng R320 * C160 mm	Không đáp ứng	Không đạt

Độ phân giải module: ≥ R32 * C16 điểm ảnh Khoảng cách nhìn tối thiểu: ≥ 5 m Độ sáng: khoảng 4200 cd/m² Góc nhìn: Ngang ≥160° / Dọc ≥120° Chế độ điều khiển: tối thiểu Quét 1/4 Giao diện: HUB75 hoặc tương đương Điện áp đầu vào: khoảng 5V DC Dòng điện tối đa: ≥5.2 A Công suất tối đa trên m²: ≥600 W/m² Công suất trung bình trên m²: ≥ 400 W/m² Tốc độ khung hình video: ≥60 khung hình/giây Tần số làm tươi: 900 - ≥1920 Hz Tỷ lệ điểm chết: < 0.0001 Màu sắc: ≥ 281 nghìn tỷ màu Tuổi thọ: ≥100.000 giờ * Mạch điều khiển. Hỗ trợ chiều rộng tối đa ≥8192 pixel, chiều cao tối đa ≥1024 pixel. Quản lý tập trung nhiều màn hình LED thông qua Internet hoặc mạng LAN. Tích hợp chức năng Wi-Fi, cho phép quản lý trực tiếp bằng ứng dụng trên điện thoại. Chế độ quét: tối thiểu 1/64 Thang độ xám : 256 – ≥ 65536 Hỗ trợ định dạng tối thiểu gồm: AVI, WMV, MP4, 3GP, ASF, MPG, FLV, .. Âm thanh: Đầu ra âm thanh stereo 2 kênh. Bộ nhớ: Bộ nhớ Flash ≥ 4GB; mở rộng không giới hạn bằng bộ nhớ U-disk hoặc tương đương Giao tiếp tối thiểu gồm: Cổng LAN Ethernet, mạng 4G (tùy chọn), Wi-Fi, USB. Nhiệt độ làm việc: ≤ -20°C đến ≥ 80°C. Đầu vào tối thiểu gồm: 5V DC*1, 100 Mbps RJ45*1, USB 2.0*1, test button*1, sensor port*1, GPS port*1. Đầu ra tối thiểu gồm: 1Gbps RJ45*1, AUDIO*1 Công suất: ≥ 8W * Card nhận: - Khả năng tải ≥ 131,072 điểm ảnh (256*512) Chế độ quét: ≥ 1/128. Phương thức giao tiếp: Gigabit Ethernet hoặc tương đương Thang xám: 256 - ≥ 65536.		

Cổng tối thiểu gồm: DC 5V Power2, Cổng Ethernet 1Gbps2, HUB75E*12. Điện áp đầu vào: 4.0V-5.5V. Công suất: ≥ 5W. Phụ kiện tối thiểu gồm: - Bộ nguồn 5V - 60A: + Điện áp đầu ra khoảng 5VDC + Dòng điện đầu ra ≥ 60A Max + Công suất đầu ra ≥ 300W Max + Chống chập cháy, xung điện. + Hệ khung sắt sơn tĩnh điện: Sắt vuông 30x 30 dày 1.4mm + Dây điện cấp nguồn tổng : Dây điện cu/xlpe/pvc 2x 4mm + Cáp kết nối module:Cáp kết nối module LED đồng bộ theo hãng * Tủ điện bao gồm aptomat: Tủ điện kích thước 300 x400mm sơn tĩnh điện, lắp đặt aptomat c60 * Dây điện DC cho Module LED:Cu/pvc 1 x 2.5mm * Vật tư phụ keo silicol , vít, ốc nam châm …. * Ốp alu sau biển: Alu alcorest 3mm nhôm 0.10 ốp sau lưng màn hình LED Cam kết đảm bảo cung cấp linh kiện thay thế chính hãng trong vòng 5 năm kể từ thời điểm hết hạn bảo hành		
18. Sơ đồ tổng thể bệnh viện		
KT: ≥ 1600 X 2400 mm	Đáp ứng	Đạt
- Khung hộp bạt sắt hộp vuông tối thiểu mạ kẽm 40mm x 40mm dày khoảng 1.4 mm. Sử dụng tối thiểu mặt bạt 3M in UV kích thước ≥1,2m x 2,4m. Trụ sắt phi khoảng 76 mm dày khoảng 1.6 mm sơn tĩnh điện liên kết đỡ hai bên hộp bạt + bản mã, bê tông móng	Không đáp ứng	Không đạt
19. Khẩu ngữ tại các khoa lâm sàng, CLS		
Tối thiểu từ khung sắt hộp mạ kẽm hàn thành khung mặt sử dụng mặt mica, Nội dung in UV, đi led hắt sáng mặt; Kích thước ≥400mm x 3000mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
20. Biển chỉ dẫn các nhà		
Sử dụng mặt alu 3mm alcorest hoặc tương đương, dựng chân nổi khoảng 5cm. Nội dung indecal dán phủ alu; Kích thước ≥500 x 1000mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
21. Biển khoa phòng		
	Đáp ứng	Đạt

Hộp Khung sắt, mặt mica khoảng 3mm nội dung in UV. Đèn Led 3 mắt chuyên dụng hắt sáng bên trong, KT: ≥250 x 1200mm	Không đáp ứng	Không đạt
22. Biển số phòng		
Tối thiểu từ tấm nhôm nhựa khoảng 3mm dán decal; Kích thước ≥300 x 300mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
23. Biển tên phòng		
Tối thiểu từ tấm nhôm nhựa khoảng 3mm, nội dung in UV; Kích thước ≥300 x 300mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
24. Biển chỉ dẫn treo thả từ trên trần nhà xuống ngay cửa ra vào của các phòng (trực cấp cứu; thường trực, phòng làm việc, buồng bệnh,WC, thoát hiểm,...)		
Tối thiểu từ tấm nhôm nhựa 3mm dán decal ; Kích thước ≥ 200 x 400mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
25. Nơi tiếp đón và hướng dẫn bệnh nhân		
Tối thiểu từ khung sắt hộp, mặt tối thiểu từ mica khoảng 3mm, nội dung in Uv Đèn Led 3 mắt chuyên dụng hắt sáng bên trong; Kích thước ≥400 x 2000mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
26. Nơi làm thủ tục ra vào viện		
Tối thiểu từ khung sắt hộp , mặt tối thiểu từ mica khoảng 3mm, nội dung in Uv Đèn Led 3 mắt chuyên dụng hắt sáng bên trong ; Kích thước ≥400 x 2000mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
27. Nơi cấp phát thuốc đông dược		
Tối thiểu từ khung sắt hộp , mặt tối thiểu từ mica khoảng 3mm , nội dung in Uv Đèn Led 3 mắt chuyên dụng hắt sáng bên trong ; Kích thước ≥400 x 2000mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
28. Nơi cấp phát thuốc tân dược		
Tối thiểu từ khung sắt hộp , mặt tối thiểu từ mica khoảng 3mm , nội dung in Uv Đèn Led 3 mắt chuyên dụng hắt sáng bên trong; Kích thước ≥400 x 2000mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt

29. Bảng thông tin thuốc		
Tối thiểu từ khung sắt hộp + Tối thiểu từ tấm nhôm nhựa 3mm. Kích thước ≥800 x 1600mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
30. Hộp cấp cứu có điện		
Mica 3mm biển hộp kích thước ≥300 x 400 mm, Đèn Led 3 mắt chuyên dụng hắt sáng bên trong	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
31. Vạch chỉ dẫn 3 màu		
Sử dụng decal 3m phản quang hạt nhỏ	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
32. Biển vườn thuốc nam		
Tối thiểu từ khung sắt hộp mạ kẽm, mặt Tối thiểu từ tấm nhôm nhựa 3mm Nội dung dán decal kích thước ≥300x 600mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
33. Biển nội quy cơ quan		
Tối thiểu từ tấm nhôm nhựa 3mm Nội dung dán decal. Kích thước ≥0,9m x0,6m	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
34. Biển sơ đồ các khoa phòng		
Tối thiểu từ tấm nhôm nhựa 3mm dán decal; Kích thước 0,9m x 0,6m	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
35. Biển chỉ dẫn cố định treo trên trần nhà rồi thả xuống		
Tối thiểu từ khung sắt hộp mạ kẽm, mặt Tối thiểu từ tấm nhôm nhựa 3mm Nội dung in UV; Kích thước ≥250 x 1200 mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
36. Bảng thông tin		
Khung thép sơn tĩnh điện, nền tối thiểu sử dụng tấm alu khoảng 3mm có cửa kính trượt chống mưa, bụi; Kích thước ≥800 x 1200mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt

37. Biển chỉ dẫn không cố định		
Chân, khung sắt sơn tĩnh điện, Tấm mặt tối thiểu từ alumilum. Nội dung thay đổi dễ dàng; kích thước ≥0,4m x 0,6m	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
38. Bảng phân công công việc		
Bảng lịch công tác được làm tối thiểu bằng thép từ tính phủ sơn chống loá có dòng kẻ mờ giúp dễ viết dễ xóa, đứng nghiêng ≥160 độ vẫn nhìn rõ chữ không bị chói lóa; Kích thước ≥0,8m x1,2m	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
39. Biển chỉ dẫn của bệnh viện		
Biển tối thiểu từ tôn 2mm dán decal phản quang, Trụ phi 76 dày khoảng 1.6mm liên kết hai bên hộp biển , bản mã + bê tông móng . Biển kích thước ≥2m x 1,2m	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
40. Phòng vệ sinh nam, nữ		
Tối thiểu từ Fomex khoảng 5mm bồi decal ; Kích thước ≥300 x 400 mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
41. Biển số gường bệnh		
Tối thiểu từ giấy Decal nhựa cắt kỹ thuật số, nền tối thiểu alumilum khoảng 2mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
42. Cửa đăng kí khám bệnh		
Tối thiểu từ decal nhựa cắt kỹ thuật số dán trên nền kính kích thước ≥ 400 x 2000 mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
43. Rào mềm xếp hàng		
Chất liệu tối thiểu từ thép không rỉ chân đế có bánh xe thu vào đẩy ra dễ ràng	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
44. Biển nơi cấp phát thuốc bảo hiểm y tế		
Tối thiểu từ giấy decal nhựa cắt kỹ thuật số dán trên nền kính ≥400 x 2000mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt

45. Phòng trực chung cấp cứu		
Hộp Khung sắt, mặt tối thiểu từ mica khoảng 3mm nội dung in UV . Đèn Led 3 mắt chuyên dụng hắt sáng bên trong , KT: ≥250 x 1200mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
46. Giá gài tên BS-DD phòng khám		
Mica khoảng 3mm gập cạnh. Nội dung dễ dàng thay đổi, kích thước ≥300 x 400 mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
47. Biển quy định người ưu tiên		
Tối thiểu từ Fomex khoảng 5mm bồi decal, in kỹ thuật số ; Kích thước ≥300 x 400mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
48. Biển chức danh		
Biển tối thiểu từ mica đế gỗ; Kích thước ≥150 x 300mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
49. Giá để xếp giấy chỉ định		
Mica 3mm gập cạnh khổ A4; Kích thước ≥320 x 220mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
50. Biển giờ trả kết quả		
Tối thiểu từ Fomex khoảng 5mm bồi decal; Kích thước ≥0,2m x 0,5m	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
51. Các loại biển cùng dạng (Biển cảnh báo trơn trượt, cấm hút thuốc lá trong bệnh viện, Biển số điện thoại đường dây nóng, Biển số điện thoại khoa điều trị, biển phân tầng, biển cầu thang máy của nhân viên và bệnh nhân).		
Tối thiểu từ Fomex khoảng 5mm bồi decal, in kỹ thuật số; Kích thước ≥200 x 500mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
52. Sơ đồ quy trình khám bệnh (có BHYT và không BHYT)		

Tối thiểu từ Fomex khoảng 5mm bồi decal, in kỹ thuật số; Kích thước ≥ 900 x 600mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
53. Sơ đồ khoa khám bệnh		
Tối thiểu từ Fomex khoảng 5mm bồi decal, in kỹ thuật số; Kích thước: ≥400x 400mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
54. Quy định quyền nghĩa vụ của người bệnh		
Tối thiểu từ Fomex khoảng 5mm bồi decal, in kỹ thuật số; Kích thước ≥ 900 x 600mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
55. Những điều cần biết về quyền lợi và trách nhiệm (của bệnh nhân có BHYT)		
Tối thiểu từ Fomex khoảng 5mm bồi decal, in kỹ thuật số; Kích thước ≥ 900 x 600mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
56. Sơ đồ cấp cứu sốc phản vệ		
Tối thiểu từ Fomex khoảng 5mm bồi decal, in kỹ thuật số; Kích thước ≥ 400x 400mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
57. Biển giờ thăm người bệnh		
Tối thiểu từ Fomex khoảng 5mm bồi decal, in kỹ thuật số; Kích thước ≥ 400x 400mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
58. Nội quy buồng bệnh		
Tối thiểu từ Fomex khoảng 5mm bồi decal, in kỹ thuật số; Kích thước ≥ 600x 400mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
59. Sơ đồ các tầng gắn trong thang máy		
Tối thiểu từ Fomex khoảng 5mm bồi decal, in kỹ thuật số; Kích thước ≥ 400x 400mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt

60. Sơ đồ khoa kiểm soát nhiễm khuẩn		
Tối thiểu từ Fomex khoảng 5mm bồi decal, in kỹ thuật số; Kích thước ≥ 400x 400mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
61. Biển quy trình rửa tay thường quy		
Tối thiểu từ Fomex khoảng 5mm bồi decal, in kỹ thuật số; Kích thước ≥ 400x 400mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
62. Biển 05 thời điểm rửa tay		
Tối thiểu từ Fomex khoảng 5mm bồi decal, in kỹ thuật số; Kích thước ≥ 400x 400mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
63. Biển quy định phân loại rác thải y tế		
Tối thiểu từ Fomex khoảng 5mm bồi decal, in kỹ thuật số; Kích thước ≥ 400x 400mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
64. Biển quy định phân loại rác thải rắn thông thường		
Tối thiểu từ Fomex khoảng 5mm bồi decal, in kỹ thuật số; Kích thước ≥ 400x 400mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
65. Quy trình xử lý phơi nhiễm		
Tối thiểu từ Fomex khoảng 5mm bồi decal, in kỹ thuật số; Kích thước ≥ 400x 400mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
66. Biển tiết kiệm điện		
Tối thiểu từ Fomex khoảng 5mm bồi decal, in kỹ thuật số; Kích thước ≥ 400x 400mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
67. Dây điện chạy nguồn cho biển quảng cáo các phòng		
Dây điện chạy nguồn cho biển quảng cáo các phòng Cu/pvc/ 2x2.5	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt

68. Ống luồn dây điện D20		
Ống luồn dây điện D20	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
69. Bộ hẹn giờ tắt mở		
Bộ hẹn giờ tắt mở	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
70. Vách gỗ ốp tường		
- Sử dụng xương gỗ, kết hợp ốp tấm tối thiểu từ gỗ MDF phủ melamin 2 mặt độ dày tấm ≥ 17 mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
71. Màn hình + máy tính		
*** Màn Hình ≥ 65 inch** Công nghệ hình ảnh tối thiểu gồm: Pixel Tuning, HLG, HDR10+, Dolby Vision, 4K AI Upscaler, Công nghệ giảm ánh sáng xanh, bảo vệ mắt, FilmMaker Mode, Game Mode Tần số quét thực: ≥60 Hz Công nghệ màn hình: LED hoặc tương đương Độ phân giải: tối thiểu Ultra HD 4K (≥3840 x 2160 Pixel) Bluetooth: tối thiểu có kết nối loa, thiết bị di động Có cổng LAN Có Wifi Cổng AV: Có cổng tối thiểu từ Composite Cổng HDMI: ≥3 cổng HDMI có 1 cổng HDMI eARC (ARC) Cổng xuất âm thanh tối thiểu gồm: 1 cổng 3.5 mm, 1 cổng Optical (Digital Audio), 1 cổng eARC (ARC) Cổng USB: ≥2 cổng USB A Hệ điều hành tối thiểu gồm: Google TV Các ứng dụng sẵn có tối thiểu gồm: YouTube, Viettel TV, VTV Plus, Netflix, MP3 Zing, Nhaccuatui, Trình duyệt web Remote: Remote tích hợp micro tìm kiếm bằng giọng nói Chiếu hình từ điện thoại lên Tivi tối thiểu gồm: Chromecast, AirPlay 2, Miracast Tính năng khác tối thiểu gồm: Micro tích hợp trên TV điều khiển giọng nói rảnh tay Gọi video qua Google Duo	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt

Công nghệ âm thanh tối thiểu gồm: Dolby Atmos, Dolby MS12, Giải mã âm thanh tối thiểu gồm: DTS HD Tổng công suất loa: ≥20W *** Máy tính** Máy tính để bàn Bộ vi xử lý (CPU) tối thiểu: Intel Core ≥ i3-12100 Alder Lake (Up to ≥ 4.3GHz, ≥4 nhân ≥8 luồng, ≥12MB Cache) hoặc tương đương Bảng mạch chủ (Main): Intel H610 Express Chipset hoặc tương đương Bộ nhớ trong (Ram): DDR4 DIMM ≥8GB Bus ≥3200Mhz Ổ cứng: tối thiểu SSD M2 PCIE Dung lượng ≥512GB Kết nối mạng tối thiểu gồm: Realtek GbE LAN chip (1 Gbps/100 Mbps) Nguồn: Nguồn công suất thực ≥350W, ≥ 230V, N-PFC hoặc tương đương Chất liệu vỏ tối thiểu từ thép SPCC ≥0.35mm - ABS + Sơn Tĩnh Điện Tối thiểu gồm: Bàn phím, chuột Hệ điều hành: Free Dos hoặc tương đương- Hỗ trợ tương thích với Windows 10/11 64bit Nhà sản xuất máy tính đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương		
72. Màn hình 32 inch		
Kích cỡ màn hình: ≥32 inch	Đáp ứng	Đạt
Độ phân giải tối thiểu: HD Hệ điều hành: Android hoặc tương đương Công nghệ hình ảnh tối thiểu gồm: Noise Reduction - High Contrast - Depth Enhancer Công nghệ giảm ánh sáng xanh, bảo vệ mắt Tần số quét thực: ≥60 Hz Điều khiển: Có tìm kiếm giọng nói trên YouTube bằng tiếng Việt Chiếu hình từ điện thoại lên TV tối thiểu gồm: Chromecast Remote: Remote tích hợp micro tìm kiếm bằng giọng nói Ứng dụng phổ biến tối thiêu gồm: YouTube - Netflix - Trình duyệt web Tổng công suất loa: ≥16W Số lượng loa: ≥2 loa Âm thanh vòm tối thiểu gồm: DTS Virtual X Có kết nối với loa tivi Có kết nối Internet: Wi-Fi - Cổng mạng LAN Có kết nối không dây: Bluetooth (Kết nối loa, thiết bị di động)	Không đáp ứng	Không đạt

USB: ≥2 cổng USB A Cổng nhận hình ảnh, âm thanh: ≥2 cổng HDMI có 1 cổng HDMI ARC, 1 cổng Composite Cổng xuất âm thanh tối thiểu gồm: 1 cổng 3.5 mm, 1 cổng Optical (Digital Audio), 1 cổng ARC		
73. Màn hình led		
*** Màn hình Led** - Kích thước hiển thị: 3,84x2.08m (Kích thước màn hình 8m2 đã bao gồm bo viền) **Module LED P5 indoor** Loại bóng LED SMD2121 hoặc tương đương Chế độ quét: ≥1/16 scan Kích thước tấm module: ≥W320 *H160mm Mật độ điểm ảnh ≥ 40000 dots/m² Độ sáng ≥550 cd/m² Công suất trung bình: ≥ 380W/m². Công suất max: ≥ 800W/m². Tầm nhìn tối thiểu : 6m - ≥50m Tuổi thọ ≥100.000 hours MTBF ≥10.000 hours Góc nhìn H≥150° V≥120° Tần số làm mới ≥1920Hz Màu sắc hiển thị: ≥ 281 nghìn tỷ màu **Bộ xử lý hình ảnh** - ĐPG tối đa: ≥1.3 triệu pixels - Chiều rộng có thể đạt ≥ 4096 pixel - Chiều cao có thể đạt ≥ 2048 pixel. - Inputs tối thiểu gồm: DVI, HDMI1, HDMI1, AUDIO IN, AUDIO OUT, USB - Outputs tối thiểu gồm: Cổng mạng Gigabit*2, Audio*1 - Cổng điều khiển tối thiểu gồm: USB-CFG*1,COM *1 **Card nhận:** - Hỗ trợ độ phân giải(W*H) ≥ 512×512 Pixel - Hỗ trợ nhóm dữ liệu RGB ≥ 16 nhóm - Giao diện Hub ≥ 8 Cổng HUB75E hoặc tương đương - Điện áp đầu vào DC 3,8V – 6,0 V **Vật tư, phụ kiện tối thiểu gồm:** - Bộ nguồn 5V - 60A: + Điện áp đầu ra khoảng 5VDC + Dòng điện đầu ra ≥ 60A Max	Đáp ứng Không đáp ứng	Đạt Không đạt

+ Công suất đầu ra ≥ 300W Max + Chống chập cháy, xung điện. - Hệ khung sắt sơn tĩnh điện: Số lượng 8 m2 - Dây điện cấp nguồn tổng: Dây điện cu/xlpe/pvc 2x 4mm. Số lượng 30 md - Cáp kết nối module; Cáp kết nối module LED đồng bộ theo hãng: 156 cái - Tủ điện bao gồm aptomat: Tủ điện kích thước 300 x400mm sơn tĩnh điện, lắp đặt aptomat c60. Số lượng 01 cái - Dây điện DC cho Module LED: Cu/pvc 1 x 2.5mm. Số lượng 100 md - Vật tư phụ keo silicol , vít, ốc nam châm. Số lượng 01 gói - Ốp alu sau biển: Alu khoảng 3mm nhôm 0.10 ốp sau lưng màn hình LED. Số lượng 8 m2		
III. Nội thất các khoa phòng		
74. Bàn ghế tiếp khách (1)		
Tối thiểu gồm: 1 bàn, 2 ghế đơn và 1 ghế băng	Đáp ứng	Đạt
Kích thước tối thiểu: + Ghế đơn: R990 x S900 x C860 mm + Ghế băng: R1940 x S900 x C860 mm + Bàn: R1200 x S600 x C450 mm Chất liệu tối thiểu: Ghế khung gỗ đệm tựa bọc da CN , có các đường may trang trí. Tay ghế có ốp nối liền bằng gỗ sơn. Bàn tối thiểu từ gỗ công nghiệp sơn PU, mặt bàn hình chữ nhật, chân ghép chữ V tạo dáng, có đợt để đồ Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Không đáp ứng	Không đạt
75. Bàn ghế tiếp khách (2)		
Tối thiểu gồm: 1 bàn, 2 ghế đơn và 1 ghế băng	Đáp ứng	Đạt
Kích thước tối thiểu: + Ghế đơn: R1085 x S900 x C940 mm + Ghế băng: R1985 x S900 x C940 mm + Bàn: R1200 x S600 x C450 mm Chất liệu tối thiểu: Ghế khung gỗ đệm tựa bọc da CN, có các đường may trang trí. Tay ghế có ốp nối liền bằng gỗ sơn. Bàn tối thiểu từ gỗ công nghiệp sơn PU, mặt bàn hình chữ nhật, chân ghép chữ V tạo dáng, có đợt để đồ Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Không đáp ứng	Không đạt
76. Tủ tài liệu 4 buồng		

Kích thước tối thiểu: R1600 x S400 x C1960 mm Chất liệu tối thiểu: Gỗ MDF chống ẩm phủ melamine. Gỗ MDF dùng để sản xuất bàn phải đạt yêu cầu: Độ bền uốn tĩnh: ≥ 18 Mpa; Mô đun đàn hồi uốn tĩnh: ≥ 3000 Mpa; Độ bền kéo vuông góc với mặt ván: ≥ 0.35 Mpa; Hàm lượng formaldehyt phát tán bằng phương pháp chiết tách (giá trị perforator) ≤ 8 mg/100g (loại E1) Thiết kế tủ có 4 buồng, chia làm 2 khoang. Khoang trên không cánh, chia các đợt để tài liệu. Khoang dưới có 4 cánh gỗ, bên trong có đợt. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng Không đáp ứng	Đạt Không đạt
77. Bàn làm việc gỗ (1)		
KT tối thiểu: R1600 x S800 x C760 mm Chất liệu tối thiểu: Gỗ MDF chống ẩm phủ melamine, màu sắc theo CĐT chỉ định. Gỗ MDF dùng để sản xuất bàn phải đạt yêu cầu: Độ bền uốn tĩnh: ≥ 18 Mpa; Mô đun đàn hồi uốn tĩnh: ≥ 3000 Mpa; Độ bền kéo vuông góc với mặt ván: ≥ 0.35 Mpa; Hàm lượng formaldehyt phát tán bằng phương pháp chiết tách (giá trị perforator) ≤ 8 mg/100g (loại E1) Bàn có hộc tài liệu gồm 1 ngăn kéo và 1 khoang cánh mở. Mặt bàn ghép hộp Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng Không đáp ứng	Đạt Không đạt
78. Ghế xoay (1)		
KT tối thiểu: R570 x S690 x C1000mm Chất liệu tối thiểu: Đệm mút bọc da PU. Chân sắt mạ, tay ghế nhựa. Ghế xoay lưng trung. Tựa ngồi vát cong hình thác nước. Cụm chân ghế được thiết kế sử dụng bộ piston khí nén có thể điều chỉnh được độ cao thấp. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng Không đáp ứng	Đạt Không đạt
79. Tủ lưu hồ sơ		
Kích thước tối thiểu: R1000 x S450 x C1830 mm Chất liệu tối thiểu: Sắt sơn tĩnh điện có độ dày ≥1mm Thiết kế tủ phía trên có 2 cánh kính, trong có 2 đợt để đồ. Phía dưới có 2 cánh sắt, trong có 1 đợt. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng Không đáp ứng	Đạt Không đạt
80. Bàn làm việc gỗ (2)		
Kích thước tối thiểu: R1200 x S600 x C750 mm	Đáp ứng	Đạt

Chất liệu tối thiểu: Gỗ MDF chống ẩm phủ melamine. Gỗ MDF dùng để sản xuất bàn phải đạt yêu cầu: Độ bền uốn tĩnh: ≥ 18 Mpa; Mô đun đàn hồi uốn tĩnh: ≥ 3000 Mpa; Độ bền kéo vuông góc với mặt ván: ≥ 0.35 Mpa; Hàm lượng formaldehyt phát tán bằng phương pháp chiết tách (giá trị perforator) ≤ 8 mg/100g (loại E1). Màu sắc theo CĐT chỉ định. Mặt bàn dày ≥25mm, chân bàn dày ≥18mm. Bàn yếm lửng, hộc liền sát đất 1 ngăn kéo, 1 cánh mở Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Không đáp ứng	Không đạt
81. Ghế gấp (1)		
Kích thước: R470 x S515 x C890 mm ± 10 mm	Đáp ứng	Đạt
Chất liệu tối thiểu: Chân khung tối thiểu từ inox Ø22. Đệm tựa mút bọc tối thiểu PVC. Ghế có thể gấp lại tiện dụng. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Không đáp ứng	Không đạt
82. Ghế xoay (2)		
Kích thước tối thiểu: R580 x S630 x C900mm	Đáp ứng	Đạt
Chất liệu tối thiểu: Ghế có đệm tựa bọc vải lưới, ghế sử dụng chân thép mạ. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Không đáp ứng	Không đạt
83. Tủ để hồ sơ		
Kích thước tối thiểu: R1000 x S450 x C1830 mm	Đáp ứng	Đạt
Chất liệu tối thiểu: Sắt sơn tĩnh điện có độ dày 1mm màu ghi. Chiều dày lớp sơn trên nền thép ≥ 80µm. Màng sơn không bị hư hỏng, không rạn nứt, không phồng rộp, không bong tróc, không gỉ. Độ bám dính của màng sơn sau khoảng 240 giờ phun muối trung tính đạt mức 5B hoặc tương đương, có thể sử dụng ≥ 2 năm Thiết kế tủ phía trên có 2 cánh kính, trong có 2 đợt để đồ. Phía dưới có 2 cánh sắt, trong có 1 đợt. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Không đáp ứng	Không đạt
84. Bàn quầy gỗ mặt ốp đá (1)		
Kích thước tối thiểu: R1200 x S600 x C1100 mm	Đáp ứng	Đạt
Bàn quầy gỗ MDF chống ẩm phủ melamine. Gỗ MDF dùng để sản xuất bàn phải đạt yêu cầu: Độ bền uốn tĩnh: ≥ 18 Mpa; Mô đun đàn hồi uốn tĩnh: ≥ 3000 Mpa; Độ bền kéo vuông góc với mặt ván: ≥ 0.35 Mpa; Hàm lượng formaldehyt phát tán bằng phương pháp chiết tách (giá trị perforator) ≤ 8 mg/100g (loại E1). Mặt trên quầy ốp đá Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Không đáp ứng	Không đạt

85. Bàn quầy gỗ mặt ốp đá (2)		
Kích thước tối thiểu: R2000 x S600 x C1100 mm	Đáp ứng	Đạt
Bàn quầy gỗ MDF chống ẩm phủ melamine. Gỗ MDF dùng để sản xuất bàn phải đạt yêu cầu: Độ bền uốn tĩnh: ≥ 18 Mpa; Mô đun đàn hồi uốn tĩnh: ≥ 3000 Mpa; Độ bền kéo vuông góc với mặt ván: ≥ 0.35 Mpa; Hàm lượng formaldehyt phát tán bằng phương pháp chiết tách (giá trị perforator) ≤ 8 mg/100g (loại E1). Mặt trên quầy ốp đá Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Không đáp ứng	Không đạt
86. Bàn quầy gỗ chữ U, mặt ốp đá		
Kích thước tối thiểu: R1200 x S600 x C1100 mm	Đáp ứng	Đạt
Bàn quầy chữ U, chất liệu gỗ MDF chống ẩm phủ melamine. Gỗ MDF dùng để sản xuất bàn phải đạt yêu cầu: Độ bền uốn tĩnh: ≥ 18 Mpa; Mô đun đàn hồi uốn tĩnh: ≥ 3000 Mpa; Độ bền kéo vuông góc với mặt ván: ≥ 0.35 Mpa; Hàm lượng formaldehyt phát tán bằng phương pháp chiết tách (giá trị perforator) ≤ 8 mg/100g (loại E1). Mặt trên quầy ốp đá Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Không đáp ứng	Không đạt
87. Bàn họp khoa		
Kích thước tối thiểu: R2400 x S1200 x C750 (mm)	Đáp ứng	Đạt
Chất liệu tối thiểu: Bàn họp gỗ MDF phủ melamine, bàn có 2 chân, yếm lửng giữa 2 chân. Gỗ MDF dùng để sản xuất bàn phải đạt yêu cầu: Độ bền uốn tĩnh: ≥ 18 Mpa; Mô đun đàn hồi uốn tĩnh: ≥ 3000 Mpa; Độ bền kéo vuông góc với mặt ván: ≥ 0.35 Mpa; Hàm lượng formaldehyt phát tán bằng phương pháp chiết tách (giá trị perforator) ≤ 8 mg/100g (loại E1). Mặt bàn và chân bàn dạng ghép hộp. Màu sắc theo CĐT chỉ định Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Không đáp ứng	Không đạt
88. Ghế gấp (2)		
Kích thước: R470 x S515 x C890 mm ± 10 mm	Đáp ứng	Đạt
Chất liệu tối thiểu: Chân khung inox Ø22. Đệm tựa mút bọc tối thiểu từ PVC. Ghế có thể gấp lại Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Không đáp ứng	Không đạt
89. Bàn Họp lớn + Ghế ngồi phòng giao ban chuyên môn		
* Bàn họp quây KT tối thiểu: R5000 x S2200 x C760 mm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt

Chất liệu tối thiểu: Bàn họp gỗ MDF phủ melamine, bàn có 2 chân, yếm lửng giữa 2 chân. Gỗ MDF dùng để sản xuất bàn phải đạt yêu cầu: Độ bền uốn tĩnh: ≥ 18 Mpa; Mô đun đàn hồi uốn tĩnh: ≥ 3000 Mpa; Độ bền kéo vuông góc với mặt ván: ≥ 0.35 Mpa; Hàm lượng formaldehyt phát tán bằng phương pháp chiết tách (giá trị perforator) ≤ 8 mg/100g (loại E1). Mặt bàn và chân bàn dạng ghép hộp. Màu sắc theo CĐT chỉ định Kiểu dáng: Bàn họp dạng modul ghép khối, có ngăn để tài liệu. *Ghế họp (20 ghế): Chất liệu tối thiểu: Ghế lưới chân quỳ, chân khung thép mạ sáng bóng. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương		
90. Ghế băng chờ		
Kích thước tối thiểu: R2420 x S660 x C795 mm ± 20 mm	Đáp ứng	Đạt
Ghế sử dụng khung giằng đỡ đệm tối thiểu bằng thép sơn tĩnh điện chống han gỉ, độ bền cao, chịu lực tốt. Đệm liền tựa tối thiểu sử dụng tôn dầy sơn tĩnh điện kết hợp mạ tối thiểu Ni-Cr đột lỗ. Chân ghế tối thiểu bằng thép sáng bóng, có đệm chống trượt. Ghế có 3 chân và 2 tay nắm. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Không đáp ứng	Không đạt
91. Tủ locker 15 ngăn		
Kích thước tối thiểu: R915 x S450 x C1830 mm	Đáp ứng	Đạt
Chất liệu tối thiểu: Sắt sơn tĩnh điện có độ dày 1mm màu ghi. Độ bền cao. Chiều dày lớp sơn trên nền thép ≥ 80µm. Màng sơn không bị hư hỏng, không rạn nứt, không phồng rộp, không bong tróc, không gỉ. Độ bám dính của màng sơn sau khoảng 240 giờ phun muối trung tính đạt mức 5B hoặc tương đương, có thể sử dụng ≥ 2 năm. Tủ sắt sơn tĩnh điện 15 khoang cánh mở. Trên mỗi cánh có 1 khóa Locker, núm tay nắm và tai khóa móc. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Không đáp ứng	Không đạt
92. Kệ sắt 4 tầng sơn tĩnh điện		
Kích thước tối thiểu: R2030 x S457 x C1600 mm	Đáp ứng	Đạt
Chất liệu tối thiểu: Sắt sơn tĩnh điện. Độ bền cao. Chiều dày lớp sơn: Thanh cột ≥ 130µm; Ngăn giá ≥ 60µm. Màng sơn không bị hư hỏng, không rạn nứt, không phồng rộp, không bong tróc, không gỉ. Bề mặt khung giá, tấm đợt nhẵn mịn, không có vết xước, lồi lõm, mối hàn không có khuyết tật. Độ bám dính của màng sơn sau	Không đáp ứng	Không đạt

khoảng 240 giờ phun muối trung tính đạt mức 5B hoặc tương đương, có thể sử dụng ≥ 2 năm. Các ngăn đợt có độ dày ≥1mm. Giá có 2 khoang, 4 tầng, tải trọng > 250kg Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương		
93. Kệ Sắt sơn tĩnh điện		
Kích thước tối thiểu: R2030 x S457 x C2000 mm Chất liệu tối thiểu: Sắt sơn tĩnh điện. Độ bền cao. Chiều dày lớp sơn: Thanh cột ≥ 130µm; Ngăn giá ≥ 60µm. Màng sơn không bị hư hỏng, không rạn nứt, không phồng rộp, không bong tróc, không gỉ. Bề mặt khung giá, tấm đợt nhẵn mịn, không có vết xước, lồi lõm, mối hàn không có khuyết tật. Độ bám dính của màng sơn sau khoảng 240 giờ phun muối trung tính đạt mức 5B hoặc tương đương, có thể sử dụng ≥ 2 năm. Các ngăn đợt có độ dày ≥1mm. Giá có 2 khoang, 4 tầng, tải trọng > 250kg Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng Không đáp ứng	Đạt Không đạt

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp áp dụng để đánh giá về tài chính: phương pháp giá thấp nhất. Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.